

# Thương nhân Hồi giáo và quan hệ thương mại giữa Đông Nam Á và Tây Á thế kỷ XV-XVII

NGUYỄN NHẬT LINH\*

Hồi giáo là một trong ba tôn giáo lớn và có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất trên thế giới hiện nay. Hồi giáo ra đời gắn liền với sự hình thành nhà nước Ả Rập vào thế kỷ thứ VII, sau đó bằng những hành động quân sự, mở rộng lãnh thổ và quan hệ giao lưu thương mại, hôn nhân... từ vùng bán đảo Ả Rập, Hồi giáo đã được truyền bá và xác lập khu vực ảnh hưởng hết sức rộng lớn. Từ nửa sau thế kỷ VIII, Hồi giáo đã được truyền bá ở Trung Á, và theo con đường tơ lụa trên đất liền để tới Trung Quốc. Những tín đồ và thương nhân Hồi giáo đã từng theo con đường này để tới kinh đô Trường An của nhà Đường (618-907); hay qua đường biển để đến các thương cảng ở Đông Nam Á và miền Nam Trung Hoa. Cũng có thể từ đó, họ đã tiến đến khu vực miền Nam Nhật Bản và Triều Tiên. Hiểu rõ vị thế của trung tâm kinh tế giàu tiềm năng ở vùng Đông Bắc Á, nhà nước Ả Rập cũng đã sớm cử những sứ giả mang theo cống vật sang triều cống Trung Quốc và được triều đình Trung Quốc tiếp đãi rất thịnh tình. Trên thực tế, các mối quan hệ đó đã không chỉ

tạo nên mà còn củng cố mạch nối liên kết kinh tế, chính trị và văn hoá giữa nhà Đường ở phía Đông với nhà nước Ả Rập ở phía Tây châu Á.

Hồi giáo cũng đã xuất hiện ở Đông Nam Á từ thế kỷ VIII và rất có thể đã có những người Hồi giáo đến Champa từ khoảng thế kỷ XI. Tuy nhiên, Hồi giáo chỉ thực sự có sự truyền bá mạnh mẽ đến vùng Đông Nam Á từ khoảng thế kỷ XIII. Với tư cách là đại diện của "Bắc quốc", một số người Trung Hoa và sứ giả thời Nguyên khi đến Đại Việt năm 1266 đã thấy có những người Hồi giáo ở đây. Một sự kiện nữa chứng tỏ sự hiện diện của người Hồi là năm 1268, vua Nguyên đã gửi thư yêu cầu Trần Thánh Tông (1258-1278) đưa một số thương nhân Hồi giáo sang Trung Quốc để tham vấn về tình hình khu vực Trung Đông<sup>(1)</sup>. Các truyện kể của Marco Polo năm 1292 cũng nhắc tới những cư dân ở vùng cảng thị đảo Java đã được cải theo đạo Hồi<sup>(2)</sup> bởi những nhà truyền giáo và thương nhân Hồi giáo. Đến cuối thế kỷ XIV, thương nhân Hồi giáo đã thiết lập được một số khu định cư bao gồm những

\* Nguyễn Nhật Linh, Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội

cộng đồng Hồi giáo làm nghề buôn bán ở các cảng ở Bắc Sumatra, phía Đông Java, ở Champa và trên vùng biển Mã Lai<sup>(3)</sup>.

Ở Đông Nam Á, Hồi giáo sớm được truyền bá mạnh mẽ ở khu vực Malacca và vùng Aceh. Đến thế kỷ XV, ở Malacca đã hình thành một nhà nước Hồi giáo. Khoảng những năm 1400, vương quốc Malacca được thành lập với vai trò của Paramesvara. Và chính ông đã giữ vai trò chủ đạo trong việc truyền bá và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Hồi giáo trên toàn vương quốc Malacca bằng việc đưa đạo Hồi lên giữ vị thế quốc giáo ở đây. Do vị trí địa lý quan trọng của nó trên con đường biển từ vùng phía Tây tới Đông Nam Á, vương quốc Malacca theo Hồi giáo được thành lập đã tạo điều kiện không chỉ cho việc truyền bá tôn giáo sang nhiều vùng đất trong khu vực mà còn tạo nên môi trường văn hoá thuận lợi cho những thương nhân theo đạo Hồi tiến hành buôn bán giữa vùng Tây Á với Đông Nam Á.

Mặt khác, sự thành lập nhà nước theo Hồi giáo<sup>(4)</sup> đã đưa Malacca thoát khỏi vị thế là một vùng đất thần thuộc Ayutthaya, trở thành một trung tâm mạnh trong việc buôn bán và trao đổi hàng hóa. Điều đó kích thích các tiểu quốc khác tiến hành buôn bán với Malacca cũng dần trở thành những quốc gia Hồi giáo. Sau khi đạo Hồi được truyền bá đến một số nước Đông Nam Á, nó đã trở thành một trong những yếu tố liên kết giữa các quốc gia này. Malacca đã sử dụng đạo Hồi như một nhân tố để mở rộng ảnh hưởng và các tiểu quốc theo Hồi giáo cũng có được sự đảm bảo về những đồng minh mạnh. Sau khi dựa vào Trung Quốc tiến hành chiến tranh chống lại Siam (Xiêm), Malacca còn chiếm cả một số vùng ở Đông lục địa Mã Lai và Bắc Sumatra, đồng thời giúp đỡ một số tiểu quốc khác chống lại sự

uy hiếp của Siam. Sự hình thành các quốc gia Hồi giáo còn dẫn tới việc thiết lập mối quan hệ liên minh giữa những nhà nước ở Bắc Java và các nhà nước đó đã tập trung binh lực đánh bại cả vương triều Majapahit ở phía Nam.

Đến khoảng cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, Hồi giáo được tiếp nhận rộng rãi ở miền Trung của đảo Java, phía Nam đảo Sulawesi, Buton, Lombok, Sumbawa, Magindanao và Nam Borneo; và cùng với đó là sự mở tăng cường phạm vi ảnh hưởng của các nhà nước Hồi giáo ở Aceh, Johor, Patani, Baten, Ternate<sup>(5)</sup>.

Thời gian mà đạo Hồi truyền bá mạnh vào Đông Nam Á cũng trùng hợp với thời kỳ được coi là "*Kỷ nguyên của thương mại*"<sup>(6)</sup> ở đây. Trong sự lan rộng của đạo Hồi, phải kể đến vai trò của các thương nhân Hồi giáo và quá trình tiếp xúc, buôn bán của họ với người bản địa. Mặt khác, các nước Đông Nam Á cũng được lợi từ những hoạt động thương nghiệp của người Hồi giáo, hay xem đạo Hồi như một yếu tố để liên kết với nhau. Có thể nói rằng trong khoảng thế kỷ XIV, Hồi giáo đã lan rộng sự phát triển mạnh của thương nghiệp trong khu vực biển Đông Nam Á và ngược lại, các thương nhân Hồi giáo cũng góp phần không nhỏ vào sự phát triển của nền thương mại đó.

Trong bối cảnh các quan hệ thương mại giữa Đông và Tây Á đã hình thành từ khoảng thế kỷ II, cho đến khoảng thế kỷ XIV thì sự giao lưu thương mại, luân chuyển hàng hóa giữa hai vùng đã trở nên phổ biến ở cả hai tuyến giao thương trên đất liền và trên biển. Theo đó, người Ả Rập đã thường xuyên tiến hành nhiều chuyến buôn bán xa và giới thương nhân Hồi giáo đã đảm đương vai trò đáng kể trong việc vận chuyển hàng hóa trên cả hai tuyến

buôn bán và giao lưu văn hoá quốc tế.

Con đường buôn bán trên bộ cơ bản đã hình thành trước và đảm đương vai trò vận chuyển hàng hóa trong suốt quá trình phát triển của thương mại giữa phương Đông với phương Tây. Tuy nhiên, sự buôn bán trên biển với các tuyến thương mại biển được hình thành giữa Đông Á tới Trung Cận Đông và thậm chí tới vùng Địa Trung Hải ngày càng chiếm ưu thế. Đến thế kỷ XV-XVI thì con đường giao thương trên biển ngày càng trở nên nhộn nhịp hơn nhờ sự phát triển của các kỹ thuật hàng hải, khả năng xác định toạ độ, phương hướng trên biển cũng như sự phát triển của các vùng sản xuất và nhu cầu trao đổi ngày càng lớn.

Trong thế kỷ XV, vai trò của các thương nhân Hồi giáo trong sự liên hệ thương mại giữa Trung Cận Đông và Đông Nam Á trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết. Nguyên nhân dẫn đến sự phát triển đó là việc các đoàn thương thuyền khi đi từ Đông Nam Á tới Trung Cận Đông hay tiến xa hơn sang phía Tây (và theo chiều ngược lại) đều đi qua eo biển Malácca. Eo biển Malácca trở thành con đường thuận lợi nhất cho tuyến giao thương giữa Đông và Tây Á. Trong khi đó, đầu thế kỷ XV, Malácca vừa trở thành một trung tâm Hồi giáo, đồng thời là một cảng thị quan trọng bậc nhất ở vùng bán đảo Mã Lai và Tây Sumatra nên nó không chỉ là một "Trung tâm liên thế giới" về thương mại<sup>(7)</sup>, mà còn là trung tâm liên kết giữa vùng thương mại / tôn giáo ở Trung Cận Đông với vùng thương mại (và nơi Hồi giáo truyền bá đến) ở Đông Nam Á. Đạo Hồi trở thành một nhân tố liên kết giữa các cộng đồng cư dân theo tôn giáo mới giữa các quốc gia khu vực quanh Malácca<sup>(8)</sup>.

Ngoài Malácca, Aceh cũng là nơi tiếp

nhận sớm và mạnh Hồi giáo và cũng nhanh chóng phát triển thành một trung tâm buôn bán giữa Trung Cận Đông, vùng Ấn Độ Dương và eo Sunda. Điều đó cho thấy rằng, các thương nhân Hồi giáo (từ vùng Trung Cận Đông hay người bản địa theo Hồi giáo), ở mức độ nhất định, đã góp phần vào sự hình thành các quan hệ thương mại một cách có hệ thống giữa các trung tâm cung cấp hàng hoá hay các trung tâm làm chức năng liên kết thương mại là các vùng cảng thị, các vùng trung chuyển hàng hóa. Cũng vì thế, trong giai đoạn này ở Đông Nam Á có sự phân biệt giữa hai vùng thương mại là vùng Hồi giáo ở khu vực quanh Malácca và đảo Java, và vùng vịnh Thái Lan tới "biển Nam Trung Quốc".

Ngoài những thương cảng quan trọng của Đông Nam Á ở Banten, Batavia, đặc biệt là ở Malácca và vùng Aceh, ở Tây Á cũng có một hệ thống các cảng biển dọc bờ biển Ả Rập, kéo dài tới vùng biển Đỏ. Với những cảng biển đó, những thương nhân Hồi giáo có ưu thế lớn trong việc buôn bán từ Đông Nam Á tới vùng Ả Rập, vịnh Ba Tư, Ai Cập và Đông Bắc Phi. Từ Đông Nam Á, qua eo Malácca, hoặc từ Aceh, các thương thuyền của họ đi qua vùng biển phía Nam Ấn Độ, có thể qua Ceylon (Sri Lanka), tới vùng bờ biển Ả Rập hay qua vùng biển Đỏ, và sau đó có thể tới cả Địa Trung Hải hoặc được phân phối ở các vùng của châu Âu. Con đường đó trong thế kỷ XV-XVII được mô tả cụ thể là: từ Ấn Độ Dương qua Trung Cận Đông, vùng biển Ả Rập hay biển Đỏ, rồi các thương thuyền từ vùng cảng Alexandria và Beirut để tới Venice, Genoa hay Barcelona...

Trong những năm cuối của thế kỷ XV, người ta cũng nhắc tới sự phát triển mạnh của vùng Venice với những thương nhân buôn hương liệu từ Cairo; và những thương nhân Cairo này cũng lấy hàng hóa

của Ấn Độ, Đông Nam Á và chuyển trở theo lộ trình thương mại như trên để từ Trung Cận Đông và Địa Trung Hải cung cấp cho châu Âu.

Từ thế kỷ XV, ngoài dấu ấn của những thuyền buôn người Hồi giáo, trên con đường buôn bán và vận chuyển hàng hóa trên biển còn có các thương nhân Thiên chúa giáo từ châu Âu, đặc biệt là người Bồ Đào Nha. Những lực lượng đảm đương việc buôn bán giữa Đông Nam Á và các vùng khác bấy giờ gồm có người Trung Quốc, Nhật Bản Đông Nam Á; các thương nhân theo Hồi giáo; và các thương nhân châu Âu Thiên chúa giáo. Trong đó, các hoạt động thương mại nội vùng Đông Nam Á, và Đông Nam Á với vùng Đông Bắc Á chủ yếu do người Trung Quốc, Nhật Bản và các thương nhân bản địa tiến hành; còn sự liên hệ giữa Trung Cận Đông với Đông Nam Á trong thời gian này dựa chủ yếu vào các thương nhân từ Trung Cận Đông và thương nhân từ các nước châu Âu, đặc biệt là người Bồ Đào Nha.

Các thương nhân Hồi giáo và châu Âu là hai lực lượng cạnh tranh nhau trong việc chuyên chở hàng hóa trên biển từ Đông Nam Á đưa tới châu Âu. Trong thế kỷ XV và những thập niên đầu thế kỷ XVI, những thuyền buôn của người Hồi giáo thể hiện vai trò vượt trội hơn hẳn so với thương thuyền của người Bồ Đào Nha. Lượng hàng hóa của người Bồ Đào Nha chuyển từ Đông Nam Á tới châu Âu trước năm 1511 còn ít hơn 1/4 lượng hàng của thương nhân Hồi giáo vận chuyển qua Trung Cận Đông<sup>(9)</sup>. Kết quả đó phần nào thể hiện việc đế quốc Osman bấy giờ đang phát triển mạnh và mở rộng ảnh hưởng của đế chế này ra bên ngoài. Chẳng hạn, với sự xâm lược của đế chế Osman tới Ai Cập năm 1517, đế chế này đã kiểm soát luôn vùng biển Đỏ cùng với bờ biển Ả Rập.

Việc người Hồi giáo nắm giữ vai trò lớn trong việc chuyên chở và buôn bán hàng hóa từ Đông Nam Á qua Trung Cận Đông - vùng biển Tây Á và Đông Bắc Phi đã tạo ra những mâu thuẫn giữa họ với người Bồ Đào Nha. Trong đầu thế kỷ XVI, người Bồ Đào Nha đã tìm cách cướp bóc hay đánh chìm các thương thuyền của người Hồi giáo trên Ấn Độ Dương bất cứ khi nào họ có thể. Những hành động của người Bồ Đào Nha nhằm cạnh tranh với thương nhân Hồi giáo đã dẫn đến quyết định của Bồ Đào Nha trong việc đánh chiếm Malacca vào năm 1511. Nhờ chiếm được vùng thương cảng này mà từ năm 1513 đến năm 1530, hàng năm các thương nhân Bồ Đào Nha đã cung cấp cho châu Âu hàng chục tấn hương liệu. Và cũng chính do việc Bồ Đào Nha chiếm đóng Malacca mà tuyến thương mại qua vùng Trung Cận Đông của người Hồi giáo đã suy giảm thậm chí tới mức hầu như không còn đánh kể.

Tuy nhiên, sau đó, việc người Hồi giáo kiểm soát bờ biển Ả Rập và biển Đỏ sau khi đế quốc Osman xâm lược Ai Cập (1517) đã khiến cho thương nhân Hồi giáo có một ưu thế hết sức lớn về hải thương từ Đông Nam Á (chẳng hạn như từ Aceh) và Ấn Độ Dương tới Trung Cận Đông. Cả vùng biển Ả Rập Tây Nam Á và Đông Bắc Phi đã nằm dưới quyền kiểm soát của người đế quốc Osman<sup>(10)</sup>. Việc nắm được vùng biển khu vực này đã giúp cho thương mại của người Hồi giáo cạnh tranh với những ưu thế của người Bồ Đào Nha ở vùng biển Ấn Độ<sup>(11)</sup>. Nhờ vậy, cho đến những năm 1560, cùng với sự phục hồi các tuyến hải thương của người Hồi giáo, việc cung cấp hàng hóa qua Trung Cận Đông vẫn phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động của các thương nhân người Hồi. Nguồn hương liệu và các sản phẩm phương Đông được họ chuyển qua vùng Ai Cập đã lên tới khoảng từ

1.250 đến 2.000 tấn hàng năm<sup>(12)</sup>.

Tuy nhiên, đến cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, sự tham gia và cạnh tranh quyết liệt của người Anh và người Hà Lan trong việc chuyên chở hàng hóa, hương liệu từ châu Á sang châu Âu đã làm cho vai trò của các thương nhân Hồi giáo suy giảm dần. Thời gian đầu thế kỷ XVII, vẫn còn có những thương thuyền của người Hồi đi từ Aceh tới vùng biển Đỏ, nhưng các chuyến thuyền buôn như thế từng bước không còn thấy xuất hiện thường xuyên trên các vùng biển nữa. Và đến khoảng đầu thế kỷ XVIII thì thương mại của người Hồi giáo cũng suy tàn cùng với sự suy tàn của thương mại trên biển Đông Nam Á và Ấn Độ Dương.

Như thế, trong thế kỷ XV-XVII, ở Đông Nam Á, bên cạnh các nước đặc trưng bởi yếu tố nông nghiệp và ảnh hưởng của Phật giáo và Nho giáo, ở phương Đông cũng xuất hiện nhiều quốc gia có tính hướng biển và có nền kinh tế thiên về thương nghiệp. Các quốc gia đó xuất hiện tập trung ở vùng Tây Á, nơi Hồi giáo hình thành và có nhiều ảnh hưởng mạnh mẽ. Đạo Hồi ở Đông Nam Á trong thời gian này cũng tạo ra những thay đổi lớn với sự hình thành hàng loạt các Sultanate (Hồi quốc) vào thế kỷ XV có sự liên hệ với nhau dựa trên yếu tố chung là Hồi giáo. Hơn thế nữa, nhiều Sultanate lại chiếm giữ các vùng cảng thị làm vai trò trung chuyển hàng hóa ở Đông Nam Á hay giữa Đông Nam Á với các vùng khác. Vậy nên, có thể thấy rằng vai trò của các thương nhân Hồi giáo với nền thương mại biển ở phía Nam châu Á thể hiện ở chỗ họ đã góp phần làm hình thành nên hệ thống các thương cảng, và họ cũng là lực lượng quan trọng trong việc duy trì các quan hệ thương mại giữa các khu vực. Trong mối quan hệ đó, dường như nổi lên hai đầu cầu Đông Nam Á và khu vực Trung Cận Đông,

như là một nơi chuyển tiếp giữa hai khu vực Địa - kinh tế là Ấn Độ Dương với Địa Trung Hải và châu Âu.

Trên con đường buôn bán đó, ngoài những thương nhân Hồi giáo đảm đương vai trò lớn với việc thông thương hàng hóa, còn có những thương nhân Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha luôn cạnh tranh với họ. Hơn thế nữa, thời gian truyền bá mạnh của Hồi giáo vào vùng Đông Nam Á cũng là lúc Kitô giáo bắt đầu xâm nhập vào khu vực. Thương nhân Hồi giáo đã mang theo đạo Hồi tới nhiều cộng đồng cư dân Đông Nam Á và cải đạo cho những người bản địa<sup>(13)</sup>, trong khi đó các giáo sĩ Kitô đi cùng các thương nhân châu Âu là những người truyền bá đức tin vào Chúa trời. Tuy có những khác biệt về đức tin, luận thuyết và hành lễ nhưng cả đạo Hồi và Kitô giáo bấy giờ đều có điểm chung là có những ảnh hưởng rất sâu sắc đến các thương nhân. Sự cạnh tranh của Hồi giáo với Kitô giáo không chỉ là việc truyền giáo và mở rộng ảnh hưởng mà còn cả trên cả phương diện kinh tế. Biểu hiện cụ thể của sự cạnh tranh giữa các thương nhân Tây Á và thương nhân châu Âu là việc buôn bán, giành giật nguồn lợi, thị trường ở Đông Nam Á và vận chuyển hàng hóa trên Ấn Độ Dương cũng như một số vùng biển Thái Bình Dương.

Tuy nhiên, sau một thời gian nắm vai trò quan trọng trên biển, các thương nhân Hồi giáo đã phải nhường chỗ cho những thế lực kinh tế mới đang lên ở châu Âu. Các công ty, tập đoàn thương mại châu Âu đã chiếm lĩnh và đóng vai trò chủ đạo trong các hoạt động, giao lưu kinh tế Đông - Tây trong suốt thế kỷ XVII-XVIII. Các nước tư bản phương Tây, mà tiêu biểu là các công ty độc quyền buôn bán với phương Đông như VOC (Hà Lan), EIC (Anh) và CIO (Pháp), dựa vào ưu thế của

nền đại sản xuất công nghiệp và việc ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến, đã thâm nhập vào đời sống kinh tế và chính trị khu vực đồng thời chuẩn bị những điều kiện cần thiết để tiến tới đặt ách nô dịch trực tiếp lên hầu hết các dân tộc phương Đông vào thế kỷ XIX./.

## CHÚ THÍCH

1. Litana: *A view from the sea: Perspectives on Northern and Central Vietnamese Coast*, in *Journal of Southeast Asian Studies*, 37, National University of Singapore, 2006, p.90.
2. Nguyên văn là: “được cải theo tôn giáo của Mohamet” (“converted to the religion of Mahomet”). Thomas Wright: *The travells of Marco Polo, the Venetian*, 1873 Press, US, 1892; Book III, chapter XI: *Of the Kingdom of Felech, in the Island of Java Minor*, p.650.
3. Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce*, vol II, Yale University press, p.133
4. Có những quan điểm về sự xuất hiện sớm của nhà nước Hồi giáo ở các nước Đông Nam Á; theo đó, ở Samudra đã có thể có một nhà nước Hồi giáo(?) thậm chí trước khi Marco Polo có những ghi chép về những người được cải đạo theo Hồi giáo ở Perlak trên đảo Java năm 1292. Quan điểm trên dựa vào những ghi chép của sử sách Trung Quốc ghi chép về người Hồi giáo trong đoàn sứ giả của Samudra gửi tới Trung Quốc trong thời gian sau năm 1282.  
Người ta có giả thuyết tương tự về một vị vua Hồi giáo ở Samudra dựa trên một bia đá năm 1297; và cũng có cả những lập luận bác bỏ giả thuyết nói trên. Xin xem: G.W.J.Drewes: *New Light on the Coming of Islam to Indonesia?*, in: *Reading on Islam in Southeast Asia*, Institute of Southeast Asia Studies, Singapore, 1990.
5. Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce...* Sdd, p.134.
6. Theo cách gọi của Anthony Reid, trong: Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce...*Sdd.
7. Sakurai Yumio: *Thủ phác dựng cấu trúc lịch sử của khu vực Đông Nam Á (thông qua mối quan hệ giữa biển và lục địa)*, tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4/1996.
8. Xin tham khảo lý thuyết về mạng lưới trung tâm vùng biển của GS. Sakurai Yumio. Giáo sư cho rằng Hồi giáo truyền bá từ Malacca, cùng với một khu vực có chung ngữ hệ Malayu tạo ra một khu vực mà học giả người Nhật gọi là “phạm vi Malayu” trong hệ thống thương mại Đông Nam Á.
9. Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce...*Sdd, p.14.
10. Sự mở rộng lãnh thổ của đế quốc Osman từ thế kỷ XV cơ bản qua các việc xâm chiếm các vùng: Istanbul (1453); Morea (1458-1460), Serbia (1459); Bosnia (1463); Karaman (1468); Crimea (1475); Anbania (1478); Moldavia (1504); Dulkadir (1515); Da mascus (1516); Ai Cập (1517), Hicaz (1517); Tripoli (1521); Rhodes (1522); Transylvania (1541); Cyprus (1571);Tumis (1574); Crete (1669).
11. Việc người Bồ Đào Nha có ưu thế ở vùng biển Ấn Độ cho phép họ đưa hàng hóa từ vùng Nam ấn, chẳng hạn từ Calicut tới vùng biển Đỏ. Sau khi Bồ Đào Nha chiếm được Malacca thì dường như họ càng có ưu thế lớn hơn ở vùng biển Ấn Độ và trong việc đi từ Ấn Độ Dương vào Đông Nam Á.
12. Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce...* Sdd, p.21.
13. Marco Polo trong lời kể về những chuyến đi của mình có nhắc đến việc những người bản địa ở Java được những thương nhân Saracen (?) cải giáo cho theo đạo Hồi. Xem: Thomas Wright: *The travells of Marco Polo, the Venetian...*Sdd, p.650.